

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Đợt xét: Đợt 4/2025

Môn thi: KS-Lý thuyết chuyên môn - 1250343

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
1	Vũ Lê Mỹ	Anh	19/01/2002	4.90				CĐKS27N10	
2	Nguyễn Ngọc Diễm	Châu	25/05/2003	6.10				CĐKS28N11	
3	Nguyễn Quốc Lê	Duy	20/07/2003	5.40				CĐKS28N07	
4	Nguyễn Thanh	Duy	29/05/2002	5.70				CĐKS27N23	
5	Trương Thị Ngọc	Hương	23/02/2003	5.70				CĐKS28N07	
6	Tạ Thị Bảo	Ngọc	03/08/2002	4.00				CĐKS28N11	
7	Nguyễn Minh	Nhật	11/09/2003	3.30				CĐKS28N07	
8	Lê Tâm	Như	27/11/2001	4.40				CĐKS27N36	
9	Bùi Ngọc	Sang	11/10/2003	6.20				CĐKS28N08	
10	Nguyễn Thị Hoài	Thu	21/08/2001	5.60				CĐKS27N23	
11	Đoàn Minh	Thư	11/12/2003	4.80				CĐKS28N09	
12	Lê Thị Anh	Thư	05/01/2003	3.90				CĐKS28N07	
13	Lê Hoàng Thứ	Uyên	01/01/2003	4.40				CĐKS28N09	
14	Phan Huỳnh	Tâm	15/03/2002	4.40	3.60			CĐKS27N22	
15	Phan Phước	Thịnh	25/12/2003	4.80	0.00			CĐKS28N11	
16	Đoàn Ngọc Phương	Anh	19/07/2004	4.90				CĐKS29N02	
17	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	17/09/2002	7.00				CĐKS29N06	
18	Phạm Thế	Anh	20/07/2003	5.30				CĐKS29N02	
19	Phan Thanh	Bình	19/06/2004	3.80				CĐKS29N09	
20	Mai Tuấn	Đạt	22/08/2002	6.40				CĐKS29N04	
21	Lý Phạm Hương	Giang	22/12/2004	5.70				CĐKS29N06	
22	Huỳnh Xuân	Hiệp	07/10/2004	4.40	5.50			CĐKS29N11	
23	Lê Quốc	Hùng	11/11/2004	4.90				CĐKS29N08	
24	Nguyễn Võ Tuấn	Kiệt	15/12/2004	0.00				CĐKS29N05	
25	Lê Nguyễn Thanh	Lam	15/10/2004	7.90				CĐKS29N14	
26	Tô Thị Phương	Lan	24/06/2004	6.70				CĐKS29N05	
27	Nguyễn Chí	Linh	28/09/2004	5.30				CĐKS29N02	
28	Nguyễn Ngô Nhựt	Linh	09/02/2004	6.30				CĐKS29N11	
29	Trương Nguyễn Diệu	Linh	22/09/2004	4.30				CĐKS29N15	
30	Nguyễn Thị Phương	Mai	30/04/2004	5.70				CĐKS29N12	
31	Phan Thị	Mùi	10/02/2002	6.60				CĐKS29N13	
32	Lê Thị Kiều	My	13/03/2004	6.90				CĐKS29N03	
33	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	10/04/2004	3.80	4.60			CĐKS29N05	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
34	Nguyễn Trịnh Thảo	Nguyên	13/03/2004	6.20				CĐKS29N10	
35	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	11/07/2004	5.10				CĐKS29N06	
36	Nguyễn Bình Yên	Nhi	03/08/2004	4.40				CĐKS29N06	
37	Nguyễn Hiếu	Nhi	30/04/2004	0.00	0.00	5.90		CĐKS29N12	
38	Trần Huỳnh Thảo	Nhi	14/07/2004	4.90				CĐKS29N05	
39	Lê Huỳnh	Như	10/04/2004	5.00				CĐKS29N06	
40	Võ Thị Hằng	Ni	13/10/2004	4.75	0.00	6.70		CĐKS29N09	
41	Nguyễn Hữu	Phát	06/07/2004	5.90				CĐKS29N06	
42	Trần Bảo	Quốc	27/06/2003	3.45	4.50	5.00		CĐKS29N03	
43	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	30/03/2002	8.30				CĐKS29N01	
44	Lê Thị Kim	Thanh	14/09/2004	4.70	0.00	5.80		CĐKS29N11	
45	Hà Thị Thanh	Thảo	30/01/2004	6.30				CĐKS29N07	
46	Hoàng Lăng Thu	Thảo	28/09/2004	7.70				CĐKS29N11	
47	Lê Anh	Thư	05/09/2004	0.00				CĐKS29N08	
48	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/02/2004	6.30				CĐKS29N10	
49	Nguyễn Trung	Tiến	23/10/2001	7.80				CĐKS29N15	
50	Nguyễn Trung	Trực	05/10/2004	4.80				CĐKS29N03	
51	Trần Hữu	Trung	13/05/2004	4.90				CĐKS29N15	
52	Phạm Lê Thùy	Linh	19/04/2004	0.00				CĐKS30N01	
53	Nguyễn Hoàng Tâm	Nguyên	18/01/2004	5.80				CĐKS30N01	
54	Vũ Nguyễn Nhật	Tân	20/06/2004	5.20				CĐKS30N01	
55	Trương Quang	Thành	21/02/1996	8.10				CĐKS30N01	
56	Nguyễn Mạnh	Trí	23/01/2004	6.60				CĐKS30N01	
57	Tiêu Ngọc Thùy	An	18/07/2002	0.00	4.20			CĐKS29N04	